

Phụ lục VII
BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ
NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS OR
INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND
CERTIFICATES

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)*

**FRESHFIELDS CAPITAL
CORPORATION**

Số: 03./BC-.60

No: 03../BC-.60

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

TP.HCM, ngày 20 tháng 8 năm 2026

HCM City,.....,2026

BÁO CÁO

**Về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ
phiếu/chứng chỉ quỹ đóng**

REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS,
INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND
CERTIFICATES

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Phú Hưng (“PHS”)

To:

- The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange;
- Phu Hung Securities Corporation (“PHS”)

1 Thông tin về cá nhân/ tổ chức thực hiện giao dịch/ Information on individual/ organisation

conducting the transaction:

- Họ và tên cá nhân/ Tên tổ chức/ Name of individual/organisation: FRESHFIELDS CAPITAL CORPORATION ("Freshfields").

- Quốc tịch/Nationality: Đài Loan/Taiwan.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp/ Number of Business Registration Certificate, Operation License, date of issue, place of issue: 80690793 cấp ngày 31/03/2004 tại Đài Bắc, Đài Loan/ 80690793 issued on 31/03/2004 in Taipei city Government.

- Địa chỉ liên hệ/ Địa chỉ trụ sở chính/ Contact address/address of head office: 20th Floor, No. 179, LiaoNing Street, Taipei 104105, Taiwan.

- Điện thoại/ Telephone: Fax: Email: Website:

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated persons/ organisation (currently owning the same types of shares/fund certificates)*: Không/None

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of affiliated persons*:

- Quốc tịch/*Nationality*:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No. or License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue*.

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any)*:

- Mỗi quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with individuals/ organizations*:

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán/ *Ownership percentage of shares*:

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name & code of shares/fund certificates owned*: Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng - PHS

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above*: Tại công ty chứng khoán/At the securities company: Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Phú Hưng/ *Phu Hung Securities Corporation*.

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned before the transaction*: **1.290.486 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ sở hữu là 0,65%/ 1,290,486 shares, equivalent to the ownership ratio of 0.65%.**

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và P trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*Number of shares or fund certificates purchased,*

sold, transferred or swapped at the date that changed the ownership percentage and became or ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund's certificates:
13.796.000 cổ phiếu/ 13,796,000 shares.

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned after the transaction (or the swap):* **15.086.486 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ sở hữu là 6,03%/ 15,086,486 shares, equivalent to the ownership ratio of 6.03%.**

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*The trading date (or swap date) that changed the ownership percentage and became /ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund certificates:* ngày/date: **19/11/2026.**

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates currently owned by the affiliated persons:*
Không/None

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned by individuals/organizations together with affiliated persons after the transaction:* 6,03%.

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên/*As above;*
- Lưu/*Archived.*

FRESHFIELDS CAPITAL CORPORATION

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)

(Signature, full name and seal - if any)



ALBERT KWANG-CHIN TING

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

LEGAL REPRESENTATIVE